

THÔNG BÁO**Kết quả Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026**

Thực hiện Kế hoạch số 16-KH/TĐTN-CTĐ&TTN, ngày 23/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn về việc “Tổ chức Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026”. Căn cứ kết quả thi tại vòng chung kết, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn thông báo kết quả Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026, cụ thể như sau:

1. Số lượng thí sinh tham gia Vòng chung kết Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026

- Bảng A: 26/27 thí sinh tham gia.
- Bảng B: 44/68 thí sinh tham gia.
- Bảng C1: 35/45 thí sinh tham gia.
- Bảng C2: 19/22 thí sinh tham gia.

(Có danh sách bảng điểm kèm theo)

2. Kết quả Hội thi

Căn cứ Thể lệ Hội thi và kết quả chấm thi của Ban Giám khảo, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn quyết định công nhận kết quả Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026, gồm:

- 04 giải Nhất;
- 04 giải Nhì;
- 11 giải Ba;
- 18 giải Khuyến khích.

(Danh sách thí sinh đạt giải tại các bảng thi A, B, C1 và C2 và được ban hành kèm theo Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn)

Ban Thường vụ Tỉnh đoàn trân trọng thông báo kết quả Hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, năm 2026 để các đơn vị biết và phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đoàn các xã, phường;
- Phòng VH-XH các xã, phường;
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Thao Giang

DANH SÁCH

Kết quả điểm thi vòng chung kết hội thi Tin học trẻ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I năm 2026

1. Bảng A

TT	Họ và tên	SBD (Vòng chung kết)	Lớp	Trường	Xã/phường	Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Tổng
1	Lê Nguyên Khang	A1	5A	Tiểu học Trần Phú	xã Hòa Xuân	20	20	30	3	73
2	Đàm Phát	A21	5C	TH Ngô Quyền	Phường Buôn Ma Thuột	20	20	30	3	73
3	Lê Uyên Minh	A5	5C	Trường Tiểu học Trung Vương	Phường Tuy Hòa	20	20	30	3	73
4	Ngô Nhân Tuấn	A16	5A1	Trường Tiểu học Tô Hiệu	Xã Ea Drông	20	19	30	3	72
5	Võ Hoàng Bảo	A14	4A	Tiểu học Trần Phú	Phường Buôn Ma Thuột	20	17	30	3	70
6	Linh Vương Phương Thảo	A22	5A	Trường TH Trần Văn Ôn	xã Ea Kar	20	17	30	3	70
7	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	A25	5B	Trường Tiểu học Đa Lộc	xã Xuân Lãnh	20	17	30	3	70
8	Lê Chí Quân	A26	5I	Trường TH Lạc Long Quân	Phường Tuy Hòa	20	17	30	3	70
9	Lê Gia Huy	A20	5B	TH Nguyễn Trãi	Xã Quảng Phú	20	14	30	3	67
10	Nguyễn An Nhiên	A19	4A	TH Lê Lợi	Xã Quảng Phú	20	14	30	0	64
11	Trần Tiến Đạt	A3	5C	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường Tuy Hoà	20	7	30	3	60
12	Nguyễn Lê Phương Nam	A9	5C	Trường Tiểu học Xuân Thành	Phường Xuân Đài	20	8	30	0	58
13	Phạm Hải Châu	A23	4C	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Krông Năng	19	6	30	2	57
14	Nguyễn Huy Anh	A13	4A11	Tiểu học, THCS và THPT Victory	Phường Buôn Ma Thuột	3	20	30	3	56
15	Lê Anh Khang	A17	5A	Tiểu học Trần Văn Ôn	xã Ea Kar	3	20	30	3	56



16	Trần Thảo Anh	A6	5A	Trường Tiểu Học Lý Tự Trọng	Phường Hoà Hiệp	20	1	30	3	54
17	Nguyễn Khang	A15	5A1	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Khuyến	Phường Thành Nhất	3	17	30	3	53
18	Lê Hoàng Bách	A2	5B	TH Sông Cầu	Phường Sông Cầu	2	17	30	1	50
19	Trần Thùy Lâm	A27	5A	Trường TH Lạc Long Quân	Phường Tuy Hoà	0	1	30	0	31
20	Phạm Thành Lương	A7	5B	Trường Tiểu học Chu Văn An	Phường Phú Yên	20	7	0	3	30
21	Đình Anh Dũng	A10	4E	Trường TH Lạc Long Quân	Phường Tuy Hoà	1	12	1	3	17
22	Châu Nhã Phúc	A11	5B	Trường TH Trưng Vương	Phường Tuy Hòa	1	14	1	1	17
23	Phạm Đông Dương	A4	5B	Trường Tiểu học Chu Văn An	Phường Phú Yên	2	6	3	3	14
24	Phạm Nguyễn Phúc	A8	5A	Trường tiểu học Phú Hoà	Xã Phú hòa 1	0	9	3	0	12
25	Lê Văn Bảo Nguyên	A18	5A3	Trường Tiểu Học Thuận Mẫn	xã Ea Drăng	1	3	1	0	5
26	Nguyễn Huy Hoàng	A12	5A	Trường TH Lạc Long Quân	Phường Tuy Hoà					0
27	Phạm Quang Trường	A24	4A	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phường Buon Ma Thuột	0	0	0	0	0

2. Bảng B

TT	Họ và tên	SBD (Vòng chung kết)	Lớp	Trường	Xã/phường	Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Tổng
1	Châu Phạm Gia Hân	B33	8a7	trường THCS Nguyễn Thế Bảo, xã Phú Hòa 1	xã Phú Hòa 1	25	23.33	25	25	98.33
2	Bùi Nguyễn Thiên Long	B30	8a7	trường THCS Nguyễn Thế Bảo, xã Phú Hòa 1	xã phú hòa 1	25	23.33	25	25	98.33
3	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	B2	9C	THCS Phan Chu Trinh	Phường Buon Ma Thuột	20.83	19.17	25	25	90
4	Hồ Hoàng Thuyền	B64	8A1	Trường THCS và THPT Nguyễn Trung Trực	Sơn Hoà	25	25	0	21.67	89.17
5	Nguyễn Thanh Bảo Nam	B3	9A1	THCS Nguyễn Tất Thành	Xã Quảng Phú	20.83	0	0	25	75.83

6	Nguyễn Văn Quang Vinh	B5	9H	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	Phường Buon Ma Thuột	20	0	0	25	75
7	Phan Khôi Nguyên	B52	8	THCS Trần Hào	Xã Phú Hòa 2	24.17	0	0	13.33	67.5
8	Bùi Anh Nhật	B1	9A1	THCS Nguyễn Tất Thành	Xã Quảng Phú	0	25	0	20.83	60.83
9	Trần Nguyên Quang	B45	9A	Trường THCS Hoà Quang	Xã Phú Hòa 2	10	19.17	0	15.83	57.5
10	Nguyễn Xuân Quang	B37	8A	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Đông Hòa	0.83	0	0	20	50.83
11	Lê Hưng	B10	8C	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Tân An	5.83	0	0	14.17	50
12	Lê Đại Minh	B7	9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	xã Ea Kar	5.83	0	0	10.83	46.67
13	Lê Đình Văn	B4	9D	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Pong Drang	5.83	0	4.17	10	37.5
14	Nguyễn Quang Phúc	B17	7A	Trường THCS Chu Văn An	xã Ea Kar	20.83	0	0	1.67	35
15	Phạm Hoàng Nguyên Khôi	B6	9B	THCS Phan Chu Trinh	Phường Buon Ma Thuột	0	0	0	0	32.5
16	Nguyễn Đặng Tiến	B62	9B	Trường THCS Tôn Đức Thắng	Phường Phú Yên	0.83	0	0	1.67	32.5
17	Phạm Văn Minh Phú	B9	9A4	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Tân Lập	0.83	9.17	0	9.17	31.67
18	Nguyễn Hồ Khôi Nguyên	B19	8A4	THCS Nguyễn Du	Phường Buon Hồ	0	0	0	0	30
19	Trường Cao Anh Kiệt	B61	8C	Trường THCS Phạm Đình Quy	Xã Tây Hòa	0	0	0	1.67	21.67
20	Nguyễn Thái An	B18	9A	Trường THCS Hùng Vương	xã M'Drăk	0	0	0	0	20
21	Lê Xuân Minh	B28	9A7	Tiểu học, THCS và THPT Victory	Phường Buon Ma Thuột	0	0	0	0	20
22	Đinh Kim Hoàn	B24	7	Trường THCS Nguyễn Du	xã Diê Ya	0	4.17	0	0	19.17
23	Trương Vĩnh Phú	B58	8E	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Đông Hòa	5.83	8.33	0	0	14.17
24	Trần Nguyễn Duy Hiếu	B11	9A	Trường THCS Trưng Vương	Phường Buon Ma Thuột	4.17	0	0	9.17	13.33
25	Nguyễn Hữu Hiếu	B22	9A7	THCS Buon Tráp	Xã Krông Ana	3.33	0	0	0	10.83
26	Tô Xuân Phát	B46	9A	Trường THCS Phan Lưu Thanh	Xã Đồng Xuân	0.83	9.17	0	0	10
27	Nguyễn Minh Quân	B25	7	THCS Nguyễn Văn Trỗi	xã Ea Kar	5	0.83	0.83	1.67	8.33
28	Phan Kiến Tường	B20	9A1	Trường THCS Trần Quang Diệu	Phường Tân An	0	6.67	0	0	6.67
29	Võ Trung Hiếu	B34	8A3	Trường THCS Hoà An	Phường Tuy Hoà	5.83	0	0	0.83	6.67

S. A. S.
HOC
DANH
S. A. S.

30	Hoàng Bảo Nam	B8	9C	THCS Phan Chu Trinh	Phường Buon Ma Thuột	0	3.33	0	0	5.83
31	Huỳnh Nguyên Bách	B21	9A9	Tiểu học, THCS và THPT Victory	Phường Buon Ma Thuột	0	3.33	0	0	5.83
32	Nguyễn Võ Hữu Trọng	B59	8A8	Trường THCS Lương Văn Chánh	Xã Phú Hoà 2	0	5.83	0	0	5.83
33	Bùi Trần Bình Minh	B13	9A	Trường THCS Đào Duy Từ	Phường Thành Nhất	4.17	0	0	0	4.17
34	Nguyễn Hữu Việt	B14	7B	THCS Phan Bội Châu	Phường Buon Ma Thuột	0.83	0	0.83	0	1.67
35	Nguyễn Đắc Quyết Thắng	B12	9A	Trường THCS Chu Văn An	xã Ea Kar	0.83	0	0	0	0.83
36	Bùi Ngọc Trọng Hiếu	B15	9	THCS Phước An	Xã Krông Pắc	0	0	0	0	0
37	Chu Văn Gia Phước	B16	9A	THCS Phan Chu Trinh	Phường Buon Ma Thuột	0	0	0	0	0
38	Dương Anh Tuấn	B23	8C	THCS Vụ Bồn	Xã Vụ Bồn	0	0	0	0	0
39	Hồ Minh Gia Bảo	B26	9a1	Trường THCS 719	Xã Ea Kly	0	0	0	0	0
40	Hoàng Hải Đăng	B27	9A	Trường THCS Chu Văn An	xã Ea Kar	0	0	0	0	0
41	Võ Tùng Anh	B29	9A	Trường THCS Nguyễn Hồng Sơn	Phường Xuân Đài	0	0	0	0	0
42	Phan Mạnh Trình	B31	9A	THCS Võ Trứ	Tuy An Bắc	0	0	0	0	0
43	Võ Lê Bảo Khang	B32	7A	Trường THCS Nguyễn Hồng Sơn	Phường Xuân Đài	0	0	0	0	0
44	Phan Văn Quốc Nam	B35	9B	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Đông Hòa	0	0	0	0	0
45	Nguyễn Đăng Khoa	B36	8A	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Đông Hòa	0	0	0	0	0
46	Nguyễn Minh Hoàng	B38	6C	Trường THCS Tô Vĩnh Diện	Xã Xuân Lộc	0	0	0	0	0
47	Đặng Tuấn Kiệt	B39	9A	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phường Tuy Hoà	0	0	0	0	0
48	Nguyễn Lê Nhất Quân	B40	9A3	PT Duy Tân	phường Bình Kiến	0	0	0	0	0
49	Thân Trọng Trường	B41	9B	Trường THCS Trần Quốc Toàn	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
50	Nguyễn Bích Ngọc	B42	9C	THCS Võ Trứ	Tuy An Bắc	0	0	0	0	0
51	Nguyễn Hoàng Phát	B43	9K	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phường Tuy Hoà	0	0	0	0	0
52	Võ Minh Chuyên	B44	9K	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phường Tuy Hoà	0	0	0	0	0
53	Lê Hoài Nam	B47	9C	Trường TH&THCS Sơn Hội	Xã Tây Sơn	0	0	0	0	0
54	Trần Hoàng Yển	B48	9A	Trường THCS Trần Quốc Toàn	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
55	Nguyễn Trần Thanh Bình	B49	9A	Trường THCS Trần Kiệt	Phường Hoà Hiệp	0	0	0	0	0
56	Nguyễn Hoàng Nguyên	B50	9C	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
57	Phạm Thiện Tâm	B51	9C	Trường THCS Nguyễn Thị Định	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0

58	Lê Phạm Duy Hà	B53	9A	Trường THCS Trần Quốc Toàn	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
59	Võ Hồng Đức	B54	9Đ	Trường THCS Hùng Vương	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
60	Huỳnh Phúc Thịnh	B55	8A	Trường THCS Lương Thế Vinh	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
61	Bùi Quốc Bảo	B56	9A2	Trường THCS Hoà An	Phường Tuy Hoà	0	0	0	0	0
62	Hà Văn Minh Quân	B57	9B	Trường THCS Trần Quốc Toàn	Phường Tuy Hòa	0	0	0	0	0
63	Nguyễn Anh Thắng	B60	9D7	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
64	Hồ Gia Phúc	B63	9A	THCS Nguyễn Hữu Thọ	phường Bình Kiến	0	0	0	0	0
65	Nguyễn Quang Vinh	B65	8C8	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
66	Võ Huỳnh Đông Nguyên	B66	9G	THCS Hoàng Văn Thụ	Phường Sông Cầu	0	0	0	0	0
67	Huỳnh Đức Tuấn Anh	B67	8C6	THCS Trần Hưng Đạo	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
68	Lê Thanh Tuyền	B68	9B	Trường THCS Phan Lưu Thanh	Xã Đồng Xuân	0	0	0	0	0

3. Bảng C1

TT	Họ và tên	SBD (Vòng chung kết)	Lớp	Trường	Xã/phường	Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Tổng
1	Hoàng Đình Hải Vương	C1.13	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	23.5	25	25	98.5
	Phan Minh Châu		11TH							
2	Trần Đại Hào	C1.2	12 Toán 1	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	25	25	25	21	96
	Nguyễn Nhật Anh		11 Tin							
3	Phạm Đăng Khoa	C1.20	10TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	22	23.5	25	95.5
	Võ Anh Khoa		10TH							
4	Nguyễn Xuân Tùng	C1.15	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	22	25	21	93
	Phùng Công Hữu		11TH							
5	Phạm Minh Kiệt	C1.4	11 Toán 1	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	25	23	25	17	90
	Trần Đặng Mạnh Hưng		11 Toán 1							
6	Lê Việt Khôi	C1.3	11 Tin	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	25	23.5	23.5	9	81
	Vĩ Gia Huy		11 Toán 1							
7	Cao Thái Anh	C1.8	10 Tin	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	25	23.5	25	6.5	80
	Đặng Thành Nam		10 Tin							

8	Phạm Quốc Hưng	C1.14	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	10	25	17.5	77.5
	Trần Khánh Toàn		11TH							
9	Nguyễn Thành Danh	C1.11	11A1	THCS và THPT Đông Du	Phường Tân An	25	0	25	18	68
	Đỗ Lê Thiên Ân		11A1							
10	Nguyễn Đức Minh	C1.22	10TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	3	22.5	2	52.5
	Lại Thị Thảo Quyên		10TH							
11	Nguyễn Thành Nhân	C1.12	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	6	21	0	52
	Lê Bảo An		11TH							
12	Trương Ngọc Lâm	C1.19	10TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	1	25	1	52
	Nguyễn Minh Khang		11TH							
13	Đặng Thái Dương	C1.25	11A1	Trường THPT Trần Nhân Tông	xã Eakar	25	10	15	1.5	51.5
	Nguyễn Văn Tuấn Hùng	C1.25	10A1	Trường THPT Trần Nhân Tông	xã Eakar					
14	Đoàn Ngọc Bảo Trân	C1.16	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	22	3	0	50
15	Trần Thanh trường	C.1.23	11A4	Trường THCS và THPT Tây Nguyên	Phường Thành Nhất	13.21	23.5	10	0	46.71
	Trần Minh Đạt		11A4							
16	Đào Tuấn Khoa	C1.18	10TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	25	3	11.5	4	43.5
	Từ Huy Phát		10TH							
17	Mông Mạnh Đức	C1.24	10A4	Trường THPT Ea H'Leo	Xã Ea Drăng	11.79	10	0	0	21.79
	Trần Chu Quỳnh Anh		10A4							
18	Lê Hiếu	C1.17	11TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	13.21	6.5	0	1.5	21.21
19	Hoàng Đình Quốc Đoàn	C1.21	10TH	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	5.36	3	1	2	11.36
	Mai Lê Châu Khanh		10TH							
20	Lê Tiến Thành	C1.1	12 Toán 1	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
	Đặng Tiến Đạt		12 Toán 1							
21	Hồ Trọng Tiến	C1.5	10 Tin	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
	Nguyễn Công Sang		10 Tin							
22	Võ Xuân Lộc	C1.6	10 Anh 2	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
	Nguyễn Thanh Hoá		10 Tin							
23	Phạm Vũ Gia Huy	C1.7	11 Toán 2	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
	Nguyễn Nguyên Chính		11 Toán 2							
24	Cao Thanh Sơn	C1.9	10 Tin	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0
25	Trần Anh Hữu	C1.10	10 Tin	THPT Chuyên Lương Văn Chánh	Phường Phú Yên	0	0	0	0	0

4. Bảng C2

TT	Họ và tên	SBD (Vòng chung kết)	Lớp	Trường	Xã/phường	Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Tổng
1	Đặng Kỳ Anh	C2.13	11C1	Trường THPT Lê Lợi	Xã Đồng Xuân	25	25	25	0	89.5
2	Đặng Trọng Phước	C2.3	11A2	THPT CưMgar	Quảng Phú	0	25	25	14	76.5
3	Vũ Gia Huy	C2.4	11A1	THPT Lê Quý Đôn	Phường Buôn Ma Thuột	0	25	25	0	66
4	Đặng Nguyên Vũ	C2.6	11A2	Tiểu học, THCS và THPT Victory	Phường Buôn Ma Thuột	0	25	25	3	65.5
5	Lê Nguyễn Anh Khoa	C2.1	11A2	THPT Buôn Hồ	Phường Buôn Hồ	24.17	25	5.36	0	59.02
6	Lê Hải Tùng	C2.2	10CA	THPT chuyên Nguyễn Du	Phường Tân An	0	0	19.29	3	52.29
7	Lê Nguyễn Huy Hoàng	C2.15	11C	THPT Trần Phú	Tuy An Bắc	0	21.67	5.71	3	42.88
8	Phạm Gia Khải	C2.14	11A3	trường THPT Phan Chu Trinh	Xã Xuân Cảnh	0	6.67	20	0	39.17
9	Huỳnh Hữu Anh Khoa	C2.9	10A3	THPT CưMgar	Quảng Phú	0	20	5.36	0	37.86
10	Nguyễn Ngọc Trường An	C2.10	11A2	Trường THPT Số 1 Nguyễn Huệ	Xã Diên Ya	0	20	0.71	0	33.21
11	Trần Thị Hồng Hạnh	C2.11	11A3	Trường THPT Krông Bông	Xã Krông Bông	0	15	13.21	3	31.21
12	Trần Nguyễn Phú	C2.19	11A14	Trường THPT Nguyễn Huệ	Phường Tuy Hòa	0	15.83	0	0	30.83
13	Nguyễn Công Minh	C2.7	11B7	trường THPT Võ Nguyên Giáp	Xã Ea Ô	4.17	15	0	0	19.17
14	Nguyễn Thị Hoàn	C2.8	11A2	Trường THPT Số 1 Phan Đình Phùng	Xã Ea Kly	0	0	5.71	3	8.71
15	Tô Thị Thanh Trúc	C2.22	11A	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	Xã Xuân Cảnh	0	0	5.71	3	8.71
16	Trịnh Quốc Bửu	C2.21	11	THPT Trần Suyền	Xã Phú Hòa 2	0.83	1.67	0	3	6.57
17	Phạm Thanh Trà	C2.12	10A1	Trường THPT Hùng Vương	Xã Krông Ana	0	0	5.36	0	5.36
18	Trần Ngọc Tuấn Minh	C2.17	11A1	Trường THPT Lê Hồng Phong	Xã Tây Hòa	0	0	2.86	1	3.86
19	Hoàng Anh Quốc Đạt	C2.5	11A1	THCS và THPT Đồng Du	Phường Tân An	0	0	0	0	0
20	Nguyễn Đức Tiền	C2.16	11B2	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Phường Hoà Hiệp	0	0	0	0	0
21	Trần Trí Ân	C2.18	10A1	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	Phường Hoà Hiệp	0	0	0	0	0
22	Bùi Tấn Tài	C2.20	10A2	THPT Phan Bội Châu	Xã Sơn Hoà	0	0	0	3	0